

CƠ SỞ VÀ THỢ CHẾ TÁC BIA ĐÁ Ở VIỆT NAM

DƯƠNG VĂN HOÀN*

Tóm tắt: Về vấn đề thợ đá và các cơ sở chế tác bia đá ở Việt Nam, hiện nay đã có một số tác giả, bài viết quan tâm tìm hiểu, song đa phần chỉ dừng lại ở một giai đoạn lịch sử, hoặc một địa phương, mà chưa có bài viết nào nghiên cứu một cách tổng thể, bao quát đầy đủ trong suốt chiều dài lịch sử. Thông qua nguồn tư liệu văn bia hiện còn, đặc biệt là văn bia thời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc và một phần văn bia thời Lê Trung hưng, bài viết góp phần làm rõ hơn về thợ đá và các cơ sở chế tác bia đá ở Việt Nam trong lịch sử.

Từ khóa: văn bia, thợ đá, cơ sở chế tác, làng nghề, Việt Nam

Abstract: There are currently some researchers interested in the issue of stonemasons and stele crafting workshops, mostly on one historical period or one locality, there has not been any article that studies it comprehensively and fully covers the entire length of history. By researching the existing sources of epitaphs, especially the epitaphs of the Dynasties of Ly, Tran, Initial Le, Mac, and a part of the Revival Le Dynasty period. This article provides additional information about stonemasons and stele crafting workshops in Vietnam history.

Keywords: stele, stonemason, crafting workshop, craft village, Vietnam

Nói đến đội ngũ tác giả của văn bia, ngoài thành phần người soạn văn, viết chữ, không thể không nhắc đến người thợ chạm khắc, mà dân gian vẫn thường gọi một cách triu mến là “Ông phó đá”. Với bàn tay tài hoa, họ đã cần mẫn đục tía, thổi hồn vào những thớ đá vô tri. Để có nguyên liệu tạo tác, những người thợ phải cất công đi tìm mỏ đá, khai thác, vận chuyển. Công việc đầy nặng nhọc và không ít hiểm nguy là thế, nhưng những người thợ đá với niềm say mê, yêu nghề và đặc tính kiên trì bền bỉ hơn người của mình, họ đã góp phần làm nên những tác phẩm nghệ thuật bằng đá, những trang sử đá có giá trị, góp phần làm đẹp cho đời.

Vậy đá dùng để khắc bia là loại đá gì? Vật liệu ấy được khai thác ở đâu? Bia do phường thợ nào chạm khắc? Cơ sở điêu khắc thuộc cung đình hay dân gian? Kỹ thuật chế

tác ra sao? Quy trình tạo dựng thế nào?... Những câu hỏi đó thôi thúc chúng tôi đi tìm lời giải.

Cũng như các nghề thủ công truyền thống khác, nghề chạm khắc đá xưa thông thường được tổ chức thành các phường thợ, làng nghề chuyên nghiệp, là các thợ đá chuyên nghiệp, họ có thể làm tự do độc lập trong dân gian (thợ chuyên nghiệp dân gian) hoặc được tuyển dụng vào làm trong các cơ quan của nhà nước (thợ cung đình). Ngoài ra là các thợ nghiệp dư, có thể là nông dân, nhà sư, hoặc các thành phần xã hội khác tranh thủ làm khi lúc nông nhàn. Cũng có người vốn xuất thân trong các gia đình làm nghề thợ đá chuyên nghiệp, sau chuyển nghề trở thành những người có địa vị xã hội cao hơn (nhà sư, học trò, quan viên ...).

Hiện nay, đã có một số tác giả, bài viết tìm hiểu về thợ đá và các cơ sở chế tác bia

* ThS, NCS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

đá ở Việt Nam¹ nhưng phần nhiều chỉ mang tính lát cắt của một giai đoạn lịch sử, hoặc một địa phương, chưa có bài viết nào nghiên cứu một cách tổng thể, bao quát đầy đủ trong suốt chiều dài lịch sử về vấn đề này. Thông qua nguồn tư liệu văn bia, đặc biệt là văn bia thời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc và một phần văn bia thời Lê Trung hưng, bài viết góp phần làm rõ hơn về thợ đá và các cơ sở chế tác đá ở Việt Nam. Song do khuôn khổ của bài viết, nên các vấn đề về nguồn nguyên liệu (mỏ đá), kỹ thuật tạo tác cũng như quy trình để tạo nên tác phẩm điêu khắc đá,... sẽ được chúng tôi trình bày trong một công trình khác.

1. Cơ quan tạo tác của triều đình: Bộ Công, thạch tượng cục, hoa văn học sinh,...

Thợ đá chuyên nghiệp thường có biên chế trong các cơ quan tạo tác của triều đình, đảm nhận các công trình có quy mô lớn và đòi hỏi trình độ tay nghề cao. Các cơ quan đó đa phần là các giám, cục, sở, chuyên phục vụ các mặt sinh hoạt của cung đình, trong đó có bộ phận chuyên lo việc khai thác đá, sản xuất vật dụng sinh hoạt hàng ngày, hoặc xây dựng công trình công cộng, tâm linh lớn như: Ngự tiền tạo tác nội cục, Ngự tiền điều kinh nội cục, Thượng bảo giám, Lục thanh giám Bách đầu tác cục, Công bộ Yên bí Doanh tạo sở San thư tượng, Khí giới doanh tạo sở, Ngự dụng giám San thư cục, Tú lâm cục, Tương tác giám Ngọc thạch cục, Thường tác cục, Bạt thạch cục (Tả đội, Hữu đội), Thạch tượng cục, Thạch cục... Theo quan chế thời Lê - Mạc thì hầu hết các cục tạo tác của triều đình này đều thuộc biên chế của Bộ Công, nhiều văn bia, đặc biệt là bia Văn Miếu thường có câu “xuống chiếu cho quan Bộ Công khắc đá để truyền đến muôn đời”, hay “lại sai Bộ Công khắc đá”, “quan Bộ Công theo lệ khắc đá đề danh để truyền tới lâu dài”, ... Ngoài ra theo binh chế đời Lê

Trung hưng thì 2 đội Tả, Hữu ở cục Bạt thạch thuộc dinh cơ đội ngoại binh (Thanh Hóa), mỗi đội có 20 người, được cấp khẩu phần “Đội Bạt thạch tả hữu mỗi người 8 quan”, ban chế lộc các đội Bạt thạch tả hữu, Phụng nhất tả hữu là 1 xã. Như vậy có thể thấy một bộ phận ưu binh (lính Thanh Nghệ) được trưng dụng để khai thác, chạm khắc đá. Do đó ý kiến cho rằng, dưới thời Lê những người thợ đá ở đây được gọi là công tượng lao động dưới vai trò như những khổ sai, ít được coi trọng là hoàn toàn phù hợp².

Khảo sát các đơn vị văn bia hiện còn từ thời Bắc thuộc đến thời Lý, chúng tôi chưa phát hiện ra tấm bia nào ghi tên cơ quan chuyên quản việc chạm khắc bia. Bia thời kỳ này chủ yếu ghi lại họ và tên của các nhà sư thực hiện công việc tạo tác, hoặc thợ đá tự do, không gắn với cơ quan chuyên quản (3/25 bia đời Lý (12%). Những người này, chúng tôi sẽ nhắc tới ở mục sau. Sang thời Trần, có 6/53 đơn vị văn bia (11,32%) ghi tên người khắc, trong đó có ghi nhận tên của các thợ khắc gắn với tên cơ quan chuyên trách triều đình, đó là: Chu Thiện Chúng 周善眾 làm ở Hàn lâm Hiệu thư lang Đới miện 翰林校書郎戴冕 khắc bia *Phụng Dương công chúa thần đạo bi minh tịnh tự* 奉陽公主神道碑銘并序 (N⁰7804) năm 1293 ở xã Cao Đài tổng Cao Đài huyện Mỹ Lộc, Nam Định; Lê Luật 黎律, làm ở Ngự tiền Điều kinh nội cục 御前雕經內局 khắc bia *Từ Ân tự bi minh tịnh tự* 慈恩寺碑銘并序 (N⁰39184) năm 1382 ở xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, Thái Bình; Nguyễn Linh làm ở Ngự tiền điều kinh nội cục 御前雕經內局 khắc chuông *Chiêu Quang tự chung minh* 昭光寺鐘銘 năm 1385, họ Phan làm ở Ngự tiền thường.... khắc bia *Thanh Mai Viên Thông tháp bi* 青梅圓通塔碑 năm 1362 ở Hải Dương.

Thời Lê sơ, chúng tôi thống kê dựa trên thác bản văn bia được công bố trong sách *Văn bia Lê sơ* (tuyển tập), có 21/62 bia (chiếm 33,87%) ghi tên người khắc (trung bình 3 bia mới có 1 bia). Có thể nói đây là tỷ lệ khá cao so với tình hình của văn bia các thời kỳ ở nước ta. Những thợ khắc để lại danh tính trên văn bia Lê sơ phần lớn đều là các thợ chuyên nghiệp của nhà nước (có 7 người), làm trong các cơ quan chuyên trách việc khắc ván in kinh và tạc bia của triều đình, một số người trong đó được ban chức tước Thượng liêu ban, Á minh tự, Thường ban, Cục chính, Tượng chính, Tượng phó,... như Nguyễn Thiên Lộc, Thái My, Nguyễn Sĩ Liêu, Hoàng Phận, Phạm Bảo, Bùi Nhữ Dịch, Đỗ Văn Đình. Cụ thể: Nguyễn Thiên Lộc 阮天祿 khắc 3 văn bia, khi giữ chức Ngự tiền Tả ban, Điều kinh tác cục, Thị vệ nhân, Hỏa Thượng liêu ban 御前左班雕經作局侍衛人火上僚班 khắc bia *Quốc triều tá mệnh công thần chi bi* 國朝佐命功臣之碑, (N⁰45296, năm 1450, ở Thanh Hóa); giữ chức Ngự tiền Tả ban, Điều kinh tác cục, Thị vệ nhân, [Nhất khôi] Á minh tự 御前左班雕經作局侍衛人[一灰]亞明字 khắc bia *Nhập nội Kiểm hiệu Thái phó, Bình chương quân quốc trọng sự, Tử... thần đạo bi minh tính tự* 入內檢校太傅平章軍國重事賜...神道碑銘并敘, (bản chép tay, năm 1459, Thanh Hóa), khi giữ chức Ngự tiền Tả ban, Điều kinh tác cục, Thị vệ nhân, [Nhất khôi Á đại liêu] 御前左班雕經作局侍衛人一灰亞大僚 khắc bia *Hoàng Việt khai quốc công thần chi bi* 皇越開國功臣之碑 (N⁰48240, năm 1462, Thanh Hóa); Thái My 蔡楣 giữ chức Tiến công thứ lang, Ngọc thạch tượng Tượng phó 進功庶郎玉石匠匠副 khắc bia *Quế dịch lưu phương chi bi* 桂掖流芳之碑 (壽安宮敬妃阮氏神道碑) (N⁰1921, năm 1485,

Thanh Hóa); Nguyễn Sĩ Liêu 阮士僚 giữ chức Ngự dụng Giám San thư cục Thường ban 御用監刊書局常班 khắc bia Phò mã Đô úy khảo tử chi mộ 駙馬都尉考妣之墓 (N⁰47124, năm 1488, Thanh Hóa); Hoàng Phận 黃分 giữ chức Tiến công lang Khí giới doanh tạo sở Ngọc thạch tượng Tượng phó 進功郎器械營造所玉石匠匠副 khắc 2 bia: *Khôn Nguyên chí đức chi bi* 坤元至德之碑 (大越光淑貞惠謙節和冲仁聖皇太后山陵碑銘并序) (N⁰1919, năm 1498, Thanh Hóa), *Châu quang ngọc khiết chi bi* 珠光玉潔之碑 (大越韶陽公主神道碑) (N⁰1920 hoặc 13485, năm 1498, Thanh Hóa); nhiều nhất là Phạm Bảo 范寶 giữ chức Cần sự tá lang (hoặc thăng Mậu lâm tá lang) Ngự dụng Giám san thư cục, Cục chính 謹事佐郎御用監刊書局局正 khắc 5 tấm bia: *Đại Việt Lam Sơn Chiêu lăng bi* 大越藍山昭陵碑 (N⁰1373, năm 1498, Thanh Hóa); *Đường hoa nồng diễm chi bi* 棠華穠艷之碑 (大越錦榮長公主神道碑) (N⁰13486 (48230), năm 1498, Thanh Hóa); *Hiển Thụy am bi* 顯瑞庵碑 (N⁰1223, năm 1500, Hà Nội); *Đại Việt Lam Sơn Dụ lăng bi* 大越藍山裕陵碑 (N⁰10556, năm 1504, Thanh Hóa); *Đại Việt Lam Sơn Kính lăng bi* 大越藍山敬陵碑 (N⁰13482, năm 1505, Thanh Hóa); Bùi Nhữ Dịch 裴汝驛 giữ chức Thí yên bí Doanh tạo sở San thư tượng Tượng phó 試鞍轡營造所刊書匠匠副 khắc bia *Cao Sơn Đại vương thần từ minh tính tự* 高山大王神祠銘并序, (N⁰1954, năm 1511, Hà Nội); Đỗ Văn Đình 杜文廷 giữ chức Hoảng tín đại phu, Công bộ Khí giới doanh tạo sở, Ngọc thạch tượng, Tượng chính 弘信大夫工部器裁營造所玉石匠匠正 khắc bia *Cù Sơn độ ký* 虬山渡記 (N⁰1737, năm 1525, Hà Nội).

Đến thời Mạc, tương tự như thời Lê sơ, thợ nhà nước cũng gồm những người làm trong các cơ quan chuyên san khắc đá của

triều đình. Họ là những tay thợ lành nghề ở các gia đình, địa phương có truyền thống, hoặc được tuyển lựa trong dân gian. Để có cái nhìn tương đối toàn diện, chúng tôi thống kê dựa trên 189 văn bản được công bố trong sách *Văn khắc Hán Nôm thời Mạc* của Đinh Khắc Thuân³. Chúng tôi đã rà soát lại từng văn bản, đối chiếu với thạc bản để có được các thông tin về thợ đá và cơ sở chế tác đáng tin cậy. Kết quả là có 85/183 đơn vị văn bia⁴ (chiếm 46,45%) ghi tên người khắc tạc, còn lại 98/183 văn bia, chiếm 55,55% không ghi tên người khắc. Trong đó có 13 trường hợp do bia mờ hoặc vỡ chỗ ghi tên người khắc (1 trường hợp không biết họ tên, chỉ biết quê quán). Chúng tôi thống kê chi tiết được 110 thợ khắc của 85 văn bia này. Trong đó có nhiều bia ghi cụ thể thông tin gồm họ và tên, chức vụ và nơi làm việc. Kết quả có 31 văn bia do 46 thợ triều đình đảm nhiệm; có 53 bia do 65 thợ dân gian đảm nhiệm. Thông thường một bia do 1 thợ thực hiện, tuy nhiên cũng có trường hợp đặc biệt một bia do 5-6 thợ cùng khắc, như bia *Cự Linh tự bi* 巨靈寺碑 (N⁰12880), dựng năm Đại Chính thứ 5 (1534), ở xã Thanh Liễu, huyện Gia Lộc (nay thuộc TP. Hải Dương), Hải Dương, do 6 thợ triều đình thực hiện, đó là (Trần Kim Bảng, Tiền Cần sự tá lang, Ngự dụng giám San thư cục Cục phó khắc bia; Đoàn Nhân Hạng, Tiền Cần sự tá lang, Ngự dụng giám San thư cục Cục phó khắc bia; Mai Lộc, Đoàn Gia Hựu, Nguyễn Cảo, Đinh Như Bải khắc bia 前謹事佐郎御用監刊書局局副陳金榜鐫; 前謹事佐郎御用監刊書局局副段仁港鐫; 枚轆、段嘉祐、阮睺鐫、丁如罷鐫). Trong số thợ triều đình, có Nguyễn Ích Diệu xã Gia Đức, huyện Thủy Đường phủ Kinh Môn, là Lục sĩ ở ty Hà Thanh vệ Chiêu Vũ tham gia khắc nhiều nhất với 6 bia⁵ đặt tại các

địa phương như Hải Phòng, Thái Bình, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, vào các năm từ Diên Thành thứ 6 (1583) cho đến Hưng Trị thứ 2 (1589). Ngoài ra còn rất nhiều thợ đá khác như: Trần Kim Bảng, Đoàn Nhân Hạng, Hoàng Văn Thúy, Phạm Văn Tiên, Vương Thọ Lộc, Nguyễn Văn Lan, Vũ Nhân Chiêu, Trịnh Như Chu, Nguyễn Tử Nghi, Đoàn Văn Lãng, Tạ Văn Kế, Đoàn Quý, Vũ Đạo, ... họ phục vụ trong hoàng cung, do các giám, cục quản lý, nhiều người trong số họ được phong tước như những quan chức khác. Tác giả Đinh Khắc Thuân, trong nghiên cứu của mình cho biết: “Vũ Nhân Chiêu vốn là một Nho sinh, phong làm Cục phó ở Tú lâm cục, Đoàn Nhân Hạng được phong chức Cần sự tá lang, Tạ Văn Kế giữ chức Sở thừa, được huân phong là Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu và tước công. Bên cạnh đó, họ còn có chức danh mang tính chuyên biệt của ngành nghề. Chẳng hạn, người đứng đầu ở các sở gọi là “Sở thừa”, “Tượng chánh”, “Thường ban”, rồi “Tượng phó”, “Cục phó” và “Tượng nhân”. Rõ ràng là dưới thời Mạc, người thợ thực sự được coi trọng, hoàn toàn không phải là những “công tượng” bị o ép như ở thời Lê. Hơn thế nữa, họ còn được khoản đãi, được ban phong hàm tước khá cao như trường hợp Tạ Văn Kế vừa nêu, tuy chỉ là người đứng đầu một sở (Sở thừa), nhưng được ban tới tước công, tương đương với vị quan tam phẩm”⁶. Với trường hợp Tạ Văn Kế, theo chúng tôi Đinh Khắc Thuân có sự nhầm lẫn, bởi ông không hề được ban tước công, mà chỉ là tước bá và làm ở Bộ Công, do đó không thể sánh với quan tam phẩm quyền cao chức trọng được. Cụ thể *Kỳ Lâm tự bi* 麒麟寺碑 (N⁰16927), dựng năm Thuần Phúc sơ niên (1565) tại xã Đại Hữu, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, chỉ ghi tước bá của ông

như sau: Sở thừa sở Công bộ Khí giới tạo, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Hoa Nghĩa bá 特進金紫榮祿大夫華美伯工部器械造所所承謝文計刊 (Tạ Văn Kế, giữ chức Sở thừa sở Khí giới tạo, Bộ Công, hàm Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, tước Hoa Nghĩa bá). Như vậy theo chúng tôi, nhận định thợ đá thời Mạc “thực sự được coi trọng, hoàn toàn không phải là những “công tượng” bị o ép như ở thời Lê” như Đinh Khắc Thuân nhận xét là chưa đủ cơ sở.

Thời Lê Trung hưng, trên cơ sở thống kê 293 văn bia Hậu ở Hưng Yên thế kỷ XVII-XVIII do EFEO sưu tầm, chúng tôi thu được kết quả: 36/293 (12,29%) bia ghi tên người khắc. Họ là các thợ lành nghề, đa số đang cung chức trong các cơ quan tạo tác của nhà nước, xuất thân từ các làng nghề

chạm khắc đá nổi tiếng miền Bắc như: xã Đoan Bái huyện Gia Định (7 văn bia), xã An Hoạch huyện Đông Sơn (5 văn bia), xã Long Châu huyện Yên Sơn (4 văn bia), xã Kính Chủ huyện Hiệp Sơn (3 văn bia), xã Yên Việt huyện Siêu Loại (3 văn bia), ... Ngoài ra có một số thợ ở các làng xã khác như: xã Trung Lập huyện Duyên Hà (3 văn bia); xã Gia Đức, huyện Thủy Đường (2 văn bia), xã Hồng Liễu, xã Liễu Chàng huyện Gia Phúc; xã Trần Thương, huyện Lý Nhân; xã Linh Động, huyện Vĩnh Lại... Nổi bật là nhóm thầy trò Nguyễn Quang Bát (người xã Đoan Bái, huyện Gia Định, giữ chức Tướng sĩ thứ lang Tương tác giám Ngọc thạch cục Cục chính, tước Văn An nam), sống vào khoảng niên hiệu Cảnh Trị, Dương Đức, tham gia khắc 4 bia, đều là bia trụ 4 mặt và có hoa văn rất đẹp. Cụ thể về các làng nghề và tên thợ đá, xem bảng sau đây:

TT	Quê quán thợ đá	Thợ đá	Số lượng thợ	Số lượng bia	Tỷ lệ
1	Xã An Cương, huyện Tiên Minh (Hải Phòng)	Nguyễn Công Thiêm	1	1	2,78%
2	Xã An Hoạch, huyện Đông Sơn (Thanh Hóa)	Lê Đoan Cảnh, Lê Đoan Minh, Nguyễn Duy Nhân, Lê Đoan Phú, Lỗi (Lỗi) Đức Tình, Phương Trung, Lê Viết Tiến, Nguyễn Thừa Cơ	9	5	13,89%
3	Xã Đại Bái, huyện Gia Định (Bắc Ninh)	Nguyễn Xuân Đường	1	1	2,78%
4	Xã Đoan Bái, huyện Gia Định (Bắc Ninh)	Nguyễn Văn Các, Hoàng Tín nam, An Xá nam, Nguyễn Quang Bát, Nguyễn Quang Phụ, Phú Cường nam, Phú Trạch nam	7	7	19,44%
5	Xã Gia Đức, huyện Thủy Đường (Hải Phòng)	Nguyễn Công Đình, Nguyễn Tất Đắc	2	2	5,56%
6	Xã Hồng Liễu, huyện Gia Phúc (Hải Dương)	Trịnh Đắc Thọ, Đào Quang Hoa	2	1	2,78%
7	Xã Kính Chủ, huyện Hiệp Sơn (Hải Dương)	Tô Đức Nhuận, Nguyễn Nhân Phả, Phạm Thọ Trường, Nguyễn Nhân Bạch	4	3	8,33%

8	Xã Liễu Chàng, huyện Gia Phúc (Hải Dương)	Tăng Đình Hy	1	1	2,78%
9	Xã Linh Động, huyện Vĩnh Lại (Hải Dương)	Lê Văn Tú tự Chân Đức Huệ	1	1	2,78%
10	Xã Long Châu, huyện Yên Sơn (Hà Nội)	Nguyễn Đình Thúc, Sứ Ngạn (Nguyễn Đình Ngạn)	2	4	11,11%
11	Xã Trần Thương, huyện Lý Nhân (Hà Nam)	Thiên Niên	1	1	2,78%
12	Xã Trung Lập, huyện Duyên Hà (Thái Bình)	Trương Tiến Triều, Trương Hữu Tài, Trương Thiên Niên	3	3	8,33%
13	Xã Vu Thanh, huyện Kim Thành (Hải Dương)	Nguyễn Kế	1	1	2,78%
14	Xã Yên Việt, huyện Siêu Loại (Bắc Ninh)	Văn Cảnh nam, họ Nguyễn, Sứ Vinh Nguyễn Gia	3	3	8,33%
15	Chưa rõ	Vũ Văn Sơn, chưa rõ (bia mờ)	2	2	5,56%
	Tổng số		40	36	100%

Bia Văn Miếu Quốc Tử Giám Thăng Long Hà Nội, hiện còn lưu giữ được 82 tấm văn bia đề danh Tiến sĩ, trong đó có 14 bia được dựng vào thời Lê sơ, Mạc, từ năm Hồng Đức thứ 15 (1484) đến Đại Chính thứ 7 (1536); có 25 bia dựng vào năm Thịnh Đức thứ 1 (1653); 43 bia dựng từ năm Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717) đến năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779), (riêng năm 1717 dựng 21 bia). Tuy nhiên chỉ có 5 người được lưu lại tên tuổi với tư cách là thợ đá, trong đó: 01 người ở xã Kiêu Kỵ huyện Gia Lâm, 01 người ở xã Gia Đức huyện Thủy Đường, 01 người không rõ quê quán và 2 người ở An Hoạch (Thanh Hóa). Người đầu tiên là Phạm Thụ Ích (Phạm Thọ Ích), người xã Kiêu Kỵ huyện Gia Lâm (Hà Nội), lưu danh trên hai tấm bia: 1. Bia khoa Giáp Thìn, niên hiệu Bảo Thái thứ 5 (1724) dựng năm 1726 (diềm bia ghi: 石工嘉林縣驕騎社范受益) và 2. Bia khoa Đinh Mùi, niên hiệu Bảo Thái thứ 8 (1727) dựng năm 1733 (lòng bia ghi: 嘉

林驕騎范壽益奉鐫). Người thứ hai là Hoàng Quang Trạch, xã trưởng xã Gia Đức huyện Thủy Đường (nay thuộc Hải Phòng), lưu danh trên bia khoa thi Quý Sửu niên hiệu Long Đức thứ 2 (1733) dựng năm 1734 (水棠縣嘉德社社長臣黃琬澤奉鐫). Người thứ ba là Lê Nguyễn Diệu, sinh đồ xã An Hoạch, huyện Đông Sơn (Thanh Hóa) lưu danh trên 2 tấm bia Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 5 (1739), và bia khoa Quý Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 4 (1743). Cả hai bia này đều được dựng vào năm 1744 (Cảnh Hưng thứ 5) và cho biết: “Sinh đồ Lê Nguyễn Diệu xã An Hoạch huyện Đông Sơn vâng khắc 東山縣安穫社生徒臣黎阮耀奉鐫”. Người thứ tư là bá hộ Lê Khắc Thực, cùng cộng sự ở Bạt thạch tả đội (có lẽ là thợ An Hoạch, Thanh Hóa), lưu danh trên bia khoa Bính Thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 7 (1746) dựng năm 1747 (拔石左隊伯戶臣黎克實全隊等奉鐫). Người thứ năm là Lê Văn Lộc, thợ đá người thôn Nhuệ, xã An

Hoạch, huyện Đông Sơn, lưu danh trên tấm bia Tiến sĩ khoa thi Quý Mùi niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 24 (1763). Bia dựng năm 1763 (Cảnh Hưng thứ 24), ghi là “Lê Văn Lộc thợ đá người thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn vâng mệnh khắc 東山縣安穫社銳村石局黎文祿奉鐫”. Lê Văn Lộc là trường hợp thứ hai được ghi tên trên bia Tiến sĩ với chức danh “thợ đá” (sau Phạm Thọ Ích) và được ghi chính thức vào phần thân bia. Có trường hợp trên văn bia đề danh Tiến sĩ khoa thi năm Mậu Thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 9 (1748) ghi danh tập thể hai đội Bạt thạch tả hữu ở xã An Hoạch, huyện Đông Sơn (Thanh Hóa) (東山縣安穫社拔石左右二隊奉鐫)⁷.

Dựa vào văn bia [Vô đề] sưu tầm tại động Kính Chủ xã Dương Nham tổng Dương Nham phủ Kinh Môn tỉnh Hải Dương (N⁰12005) soạn vào năm Thịnh Đức thứ 1 (1653) ghi lại bản phê phỏ của các quan Phủ liêu ban cho quan viên, chức sắc xã Kính Chủ huyện Hiệp Sơn được miễn trừ sưu sai tạp dịch để chuyên tâm lo việc khắc tạc bia đá trong lần tu sửa Văn Miếu. Do đó có thể biết được toàn bộ 25 tấm bia đề danh Tiến sĩ dựng trong đợt này đều do thợ đá Kính Chủ đảm nhiệm. Những tấm bia này thuộc loại cao to, thường từ 155cm đến 170cm, rộng từ 100cm đến 125cm và dày từ 20cm đến 30cm. Bia đều thuộc thể loại bia dẹt, đặt trên lưng rùa, có đề tài trang trí phong phú và tinh tế với đồ án phổ biến là lưỡng long tranh hỏa châu (rồng châu mặt nguyệt), mây lửa, phượng, long mã, hoa lá, động thực vật,...⁸.

Theo Phạm Thị Thùy Vinh⁹, văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc do nhiều hiệp thợ ở các vùng khác nhau đảm nhận, có 129 bia/1063 bia (chiếm 12,1%) ghi các hiệp thợ khắc. Bình quân cứ 8,3 bia mới có 1

bia ghi thợ khắc. Tác giả cho biết thợ đá ở đây gồm 3 nhóm chính là thợ chuyên nghiệp của nhà nước, phường thợ trong dân gian và thợ nghiệp dư. Cụ thể:

1. Thợ chuyên nghiệp của nhà nước khắc 34 bia, gồm:

- Cục Ngọc thạch 玉石局 khắc 24 bia.
- Cục Thạch tượng 石匠局 khắc 4 bia.
- Đội bạt thạch 拔石隊 khắc 4 bia.
- Ngự dụng giám 御用監 khắc 2 bia.

2. Các phường thợ khắc bia trong dân gian khắc 76 bia:

- Phường thợ xã Kính Chủ huyện Hiệp Sơn 峽山縣敬主社 (Hải Dương) khắc 15 bia.

- Phường thợ xã Hồng Lục 紅蓼社 (Hải Dương) khắc 1 bia.

- Phường thợ xã Liễu Chàng 柳幢社 (Hải Dương) khắc 1 bia.

- Phường thợ huyện Thanh Lâm 靑林縣 (Hải Dương) khắc 1 bia.

- Phường thợ huyện Kim Thành 金城縣 (Hải Dương) khắc 1 bia.

- Phường thợ xã Gia Đức huyện Thủy Đường 水棠縣嘉德社 (Hải Dương) khắc 14 bia.

- Phường thợ xã An Hoạch huyện Đông Sơn 東山縣安穫社 (Thanh Hóa) khắc 9 bia.

- Phường thợ xã An Việt huyện Siêu Loại 超類縣安越社 (Kinh Bắc) khắc 9 bia.

- Phường thợ xã Hoài Bảo huyện Tiên Du 仙遊縣懷抱社 (Kinh Bắc) khắc 3 bia.

- Phường thợ xã Đại Bái huyện Gia Định 嘉定縣大拜社 (Kinh Bắc) khắc 10 bia.

- Phường thợ xã Đoan Bái huyện Gia Định 嘉定縣端拜社 (Kinh Bắc) khắc 10 bia.

- Thợ xã Cự Đà huyện Gia Lâm 嘉林縣巨陀社 (Kinh Bắc) khắc 1 bia.

- Thợ xã Đại Từ huyện Văn Giang 文江縣大慈社 (Kinh Bắc) khắc 1 bia.

3. Thợ nghiệp dư khắc 19 bia:

- Người Trung Quốc 大明人 (Đại Minh) khắc 1 bia.

- Cai hợp 該合 khắc 1 bia.

- Tổng tri 總知 khắc 1 bia,

- Sư tăng 禪僧 khắc 4 bia.

- Chỉ ghi tên người không ghi rõ phường thợ khắc 12 bia¹⁰.

Tuy nhiên, có thể nói người thợ đá đa phần là những người có tầng lớp thấp kém, bị coi là nghề bạc, nên nhiều tác phẩm của họ không được ghi danh, mặc dù có những tác phẩm thuộc vào hàng tuyệt tác. Đơn cử như, từ chỉ họ Đặng (ở thôn Tỳ Điện xã Phú Hòa huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh), xây dựng vào thời Lê Trung hưng, hiện nay vẫn còn, có quy mô lớn (bia đá, sập đá, hương án đá, cây hương đá, cột hoa biểu đều bằng đá) được tạo tác với trình độ kỹ mỹ thuật rất cao, tuy nhiên không ghi tên thợ/tốp thợ thực hiện. (*Đặng gia từ chỉ bi kí/Tế vật nghi tiết sự lệ/Tế điền trực phân xứ sở/Kính thần điền lập khoán văn* 鄧家祠址碑記/祭物儀節事例/祭田逐分處所/敬神田立券文, tạo năm Đức Nguyên thứ 2 (1675).

Ngoài ra, còn nhiều bia lớn hiện còn đến nay được công nhận là bảo vật quốc gia như bia chùa Đọi (Hà Nam) và chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh) đời Lý, bia *Thanh Hương động* (Hải Dương) đời Trần, bia Vĩnh Lăng (Thanh Hóa) thời Lê sơ, bia chùa Tĩnh Lự (Bắc Ninh), điện Nam Giao (Hà Nội) đời Lê Trung Hưng, bia Khiêm Lăng (Thừa Thiên Huế) đời Nguyễn,... đều không ghi tên người thợ khắc.

Sang thời Nguyễn, hiện chúng tôi chưa có điều kiện để thống kê do số lượng bia quá lớn, tuy nhiên nếu theo một số tuyển tập như

Tuyển dịch văn bia chùa Huế đã được công bố (chủ yếu là bia được dựng vào thời Nguyễn), cũng qua kinh nghiệm đọc bia của cá nhân thì hầu hết văn bia thời Nguyễn đều không ghi họ tên và quê quán người san khắc. Song có nhà nghiên cứu khẳng định rằng “thợ chạm khắc đá làng Nhồi, cùng các thợ đá Kính Chủ chuyên đảm nhiệm các bia đá, tượng đá lớn ở Huế”¹¹.

Bia do thợ cung đình thường là các bia ở lăng mộ, di tích (đình, đền, chùa, miếu) trọng điểm, nổi tiếng của nhà nước, gắn với chế độ “tạo lệ”, người hưng công đều là các quý tộc nguồn gốc hoàng gia. Đặc điểm chung của các bia này là kích thước lớn, hoa văn trang trí, chạm đục tinh xảo, chữ viết đẹp, nét khắc sâu, to rõ. Các bài văn thể hiện trên đó thường do nhà vua (ngự chế), các đại quan, nhân vật xuất thân khoa bảng (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, Tiến sĩ,...) đích thân soạn.

2. Các làng nghề và thợ dân gian

Ngoài các thợ đá chuyên nghiệp phục vụ cho triều đình, nhà nước, còn có những người thợ chuyên nghiệp ở dân gian, đó là những thợ của các làng nghề nổi tiếng hoặc người địa phương khác theo thầy học nghề, phục vụ cho nhu cầu của xã hội. Nhiều thợ có tay nghề cao, tạo ra các sản phẩm tuyệt tác để lại cho đời. Họ thường được tập hợp tổ chức thành các làng nghề chuyên nghiệp, gắn với các mỏ đá tự nhiên. Nổi tiếng là các làng nghề như Kính Chủ, Gia Đức, An Hoạch,... chúng tôi đã nhắc đến nhiều ở trên, do đó ở phần này không nhắc lại.

Nhiều bia ghi thành phần tăng lữ tham gia vào việc tạc khắc bia, dù họ là các thợ đá nghiệp dư nhưng có thể họ là những người vốn xuất thân ở các làng nghề chuyên khắc đá, có tay nghề cao, sau đó do học hành phấn đấu (thi đỗ, xuất gia) mà thay đổi/chuyển biến thành phần. Có thể lấy ví dụ qua các thời kỳ, như:

Thời Lý, bia *Minh Tịnh tự bi văn* 明淨寺碑文, (dựng năm 1090, ở nghề thôn Tế Độ xã Hoàng Phúc, Hoàng Hóa, Thanh Hóa), ghi: Tượng nhân Tô Diên Thái tạc bia, Tượng nhân Hoàng Bồ, Hoàng Thiệu cùng dựng tạo (匠人蘇延太鑿。匠人黃布、黃紹等構造). Bia *Ngưỡng Sơn Linh Xứng* (dựng năm 1126, trước kia ở xã Ngô Xá, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, nay được bảo quản tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội), ghi do 3 nhà sư: Huệ Thống, Thường [Tâm], Pháp [Viên] khắc bia (僧惠統、常[心]、法[圓]刊).

Thời Lê sơ, ghi danh một số thợ đá của dân gian như: Trịnh Duy Năng 鄭惟能, thợ đá xã Kinh Chủ, huyện Giáp Sơn, phủ Kinh Môn 荊門府峽山縣敬主社 khắc bia *Trần Tân từ lệ bi ký* 秦津祠例碑記, (N⁰6370-71), niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487) ở xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, Bắc Ninh; Hoàng Lung, Hoàng Lãnh 黃龍黃冷 xã Phong Lưu 風流社 viết và khắc 2 bia tại xứ Bản Động cùng có tên là *Hồng Đức nhị niên tam nguyệt sơ thập nhật*, (N⁰10523-25), niên hiệu Hồng Đức thứ 26 (1495) ở bán đảo Hà Nam, thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh; Đặng Bá Nghiệp 鄧伯業 khắc tấm bia *Nga My tự bi* 峨眉山寺碑 (N⁰50702), niên hiệu Hồng Đức 28 (1497) ở phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội; Nguyễn Duy Tinh 阮維精 người bản thôn khắc tấm bia *Minh Khánh đại danh lam bi* 明慶大名藍碑, (N⁰11417), niên hiệu Hồng Thuận thứ 3 (1511) ở xã Hương Đại, Thanh Hà, Hải Dương; Ngô Tông Niết 吳宗涅, Trần Nhân Lý 陳仁理 khắc bia *Vô Vi tự bi* 無為寺碑 (N⁰1942), niên hiệu Hồng Thuận thứ 7 (1515), ở xã Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội.

Thời Lê Trung hưng, Nguyễn Công Thiêm (người xã An Cương huyện Tiên Minh, giữ chức Diêu Đạm viện Tăng lục ty

Tá Quốc Hòa thượng, tước Điện Cương nam) thực hiện san khắc 2 tấm bia¹² do tầng lớp quý tộc triều đình dựng, nói về việc bà Hoàng Thái hậu Phạm Thị Ngọc Oánh¹³, là con của Phạm tướng công Thái bảo Vị Quận công (Phạm Đình Kiên), mẹ họ Chu¹⁴ người xã Thanh Nga, huyện Văn Giang. Bà sinh vào giờ Mão ngày 22 tháng 4 năm Đức Long thứ 7 (1635). Năm Quý Ty, tức năm Khánh Đức thứ 5 (1653) khi 19 tuổi, bà được vua Thần Tông Uyên Hoàng đế lấy làm vợ, đến năm Giáp Ngọ (1654), 20 tuổi, bà sinh ra vua Huyền Tôn Mục Hoàng đế. Tới năm Ất Ty, tức năm Cảnh Trị thứ 3 (1665), bà được sách phong tôn làm Hoàng Thái hậu. Mặc dù nhà sư Nguyễn Công Thiêm làm ở cơ quan của triều đình (nhà nước), nhưng là cơ quan chuyên trách về tôn giáo tín ngưỡng, chứ không phải cơ quan đảm nhiệm việc san khắc bia đá. Do đó có thể nói đây là một trong các thợ đá nghiệp dư nhưng có tay nghề cao nên được triều đình trưng dụng. Một ví dụ nữa, theo văn bia *Liên Phương tháp ký* 聯芳塔記 (N⁰11786), dựng năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757), do Sa môn Tính Quảng Điều Điều 沙門性廣條條 soạn cho biết: nhà sư Tính Khoát Thích Trùng Trùng, quê ở xã Kinh Chủ huyện Hiệp Sơn, cha họ Hoàng, mẹ họ Lê, gia đình dòng dõi làm nghề thợ đá. Sư lúc nhỏ theo cha đến xây thêm đá chùa Sùng Phúc ở xã Lai Xá huyện Lương Tài xứ Kinh Bắc, trông thấy cảnh sinh hoạt của thầy trò sư già ở đó mà đem lòng mến mộ, khi hoàn thành công trình thì xin được ở lại làm đệ tử xuất gia tu hành, bấy giờ là năm Mậu Tý niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 4 (1708), sư 23 tuổi “đồng chân nhập đạo”. Sau 17 năm tu hành, nhà sư được triều đình cấp độ điệp, khi bản sư viên tịch, thì sư kế tục làm trụ trì tại chùa. 18 năm sau, năm Tân Dậu (1741), sư tạ thế, trụ thế 57 tuổi, hạ lạp 25 năm, cốt được cất giữ

trong bình gốm. Năm Đinh Sửu (1757) đệ tử là Hải Phạn xây dựng ngôi tháp để cất trữ. Về tài năng chạm đục của nhà sư, Tính Quảng cho biết như sau “thế truyền thạch cục, nghệ thuật tinh chuyên... tuy là nghề mọn, thực có kỳ tài, hoặc tháp ở chùa hoặc thêm điện Phật, thước tắc trong tay chẳng lỗi, kế bia đặt bút không sai” (師貫在峽山敬主, 父黃姓, 母黎氏, 世傳石局, 芸術精專。師一日隨父就京北良才菜舍社崇福寺砌石佛殿, 師見本寺老僧禪徒起心向慕。及至工畢, 乞為弟子投佛出家。當永盛四年戊子歲也, 師二十三歲, 本是童真具丈夫相。雖為薄芸, 實有奇才, 或寶所浮圖, 或琉璃殿陛, 尺寸之手中不爽, 碑碣之筆底無差)。

Thời Nguyễn, ông Phó Đá tạc bia và sinh phần Tổng đốc Nam Định Đoàn Triển ở Hữu Thanh Oai, được mô tả khá sinh động trong cuốn hồi ký “Kể chuyện về cụ Mai Viên Đoàn Triển (1854-1919)” của Đoàn Thêm (con Đoàn Triển) viết tại Canada năm 1999 như sau: “Ông phó đá, nên viết là Ông Phó Đá, vì chẳng ai trong nhà hay trong làng biết tên thật của ông. Chỉ biết rằng ông cũng ở làng Tó, do ông Tú Giao giới thiệu. Một tay ông đục, chạm, mài rũa tất cả các câu đối trên cột, các hình nổi, hình lõm trên mộ, hàng chục ngàn chữ trên các tấm bia, suốt bao năm cụ xây dựng từ đường, đàn tổ, sinh phần ... Có việc, thì cả ngày, ông lúi húi, kỹ cách, chắc cũng yêu nghề, vì thường được khen thưởng, dù sao cũng là hiện thân của kiên tâm và chuyên cần, nhẫn nại. Phải khắc cho thật đúng từng nét chữ Hán, đâu phải là chuyện dễ! Có lần, tôi thấy ông một mình trong sinh phần hiu quạnh, mồ hôi tằm tã, nghỉ tay lấy chai rượu nhỏ, mà ông gọi là “cút rượu”, hái một trái ổi xanh làm đồ nhậu, và chép miệng khen ngon. Ông khoe rằng rượu ông uống là lậu Phú Diễn chính cống. Một lát sau, ông ngả mình xuống cỏ mà ngáy, nhưng chỉ dorm mười phút, lại trở dậy lạch cách tuy chẳng ai thúc dục giữa trưa

hè nắng gắt. Ông bảo: Có làm để cụ phù hộ cho ông thợ lâu; khi đó cụ đã mất rồi. Ông bảo: Cụ thương tôi lắm nữa” ... “Ông Phó Đá đã một lần than rằng: Người ta vẫn bảo là “Búi tóc củ hành, làm anh thiên hạ”, chả trách cụ (Đoàn Triển) làm quan to, thế mà tôi cũng búi tóc củ hành, sao cứ đục đá suốt đời?”¹⁵

Ngoài ra, là các thợ dân gian, họ tranh thủ những lúc nông nhàn, hành nghề không chuyên và chủ yếu khắc một số bia của làng xã họ. Thông thường những văn bia này khiếm tốn cả về mỹ thuật, chữ khắc và nội dung, chủ yếu mang tính lưu truyền thông tin, ghi danh công đức và đương nhiên tên tuổi của họ dường như không xuất hiện trên bia.

Tạm kết

Nghề chế tác đá với nhiều động tác vát và nhưng quen thuộc như đục đá, xẻ đá, cưa đá, “kinh” đá, chạm đá, khắc đá, đục đá, ... đã nói lên đặc trưng của nghề. Đội ngũ thợ đá được đào tạo qua hình thức vừa học vừa làm, theo thầy hay thợ cả truyền nghề bằng kinh nghiệm, cho đến hiện nay vẫn chưa có trường lớp chính quy nào mở dạy nghề đá. Những người thợ đá từ xưa đến nay đều phải là những người có sức khỏe, dẻo dai và ổn định về tâm lý; phải được tập dượt nhiều lần cho quen tay và rèn đức tính kiên nhẫn. Có lẽ trong tất cả các nghề thủ công truyền thống thì nghề chạm khắc đá là cực nhọc hơn cả, nhưng thành quả lao động của họ không chỉ đem lại tiền của và vinh quang cho cá nhân mà còn góp phần làm vẻ vang cho đời. Họ là những con người thâm lặng, vô danh, đem hết tình yêu thổi hồn vào đá./.

D.V.H

Chú thích và tài liệu tham khảo:

* Người viết xin được trân trọng cảm ơn: PGS.TS Trịnh Khắc Mạnh đã đọc và góp ý sửa chữa; PGS.TS Trần Trọng Dương đã gợi ý và “đặt hàng” bài viết.

1. Đinh Khắc Thuân (1988) “Đá, thợ khắc và đặc trưng bia thế kỷ XVI”, *Tạp chí Hán Nôm* số 2; Trịnh Khắc Mạnh (2013), *Bi ký học và văn bản bi ký Hán Nôm Việt Nam*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội; Lê Thị Thảo (2015) “Bước đầu tìm hiểu về danh tính thợ đá làng An Hoạch (Thanh Hóa)”, trên *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 11...

2. Phan Huy Lê (1960), *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 2, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr. 126. Dẫn theo Đinh Khắc Thuân (2013), *Góp phần nghiên cứu lịch sử triều Mạc ở Việt Nam*, Contribution À L Histore De La Dynastie Des Mac (1527-1592) Du Viet Nam, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.152.)

3. Đinh Khắc Thuân (sưu tập, khảo cứu, dịch chú, 2017), *Văn khắc Hán Nôm thời Mạc*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 856 tr.

4. Cụ thể sách giới thiệu 189 đơn vị văn bản văn khắc Hán Nôm thời Mạc, chúng tôi loại 6 đơn vị không phải bia (2 chuông, 1 kim sách, 3 bình gốm), do đó chỉ còn 183 đơn vị văn bia.

5. Theo Đinh Khắc Thuân thống kê thợ đá Nguyễn Ích Diệu san khắc 4 bia đá. (Đinh Khắc Thuân (2013), sđd, tr.153).

6. Đinh Khắc Thuân (2013), sđd, tr.153.

7. Xem thêm Lê Thị Thảo (2015), tlđd, tr.44; Trần Hậu Yên Thế - Trần Trung Hiếu (2018), *Nét Việt trên bia Tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám*, NXB. Mỹ thuật.

8. Đinh Khắc Thuân (2008), “Một số di văn Hán Nôm thời Lê gắn với Văn Miếu Hà Nội”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (89), tr. 27-31; Đỗ Văn Ninh (2000), *Văn bia Quốc tử giám Hà Nội*, NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.76-78.

9. Phạm Thị Thùy Vinh (2003), *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã*, NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

10. Phạm Thị Thùy Vinh (2003), *Văn bia thời Lê ...*, sđd, tr.121-125.

11. Vũ Từ Trang (2007), “Nghề chạm khắc đá”, *Nghề cổ đất Việt*, NXB. Văn hóa Thông tin, tr.139-149.

12. Nguyễn Công Thiêm tham gia san khắc 2 văn bia là: 1. *Hoàng Thái hậu bi/ Tế điền xứ sở/ Phân canh phụng tự/ Nghênh niên sự lệ* 皇太后碑 / 祭田處所 / 分耕奉祀 / 迎年事例 (N^o8745/8746/8747/8748) dựng năm Chính Hòa thứ 7 (1686) tại đình thôn Nhân Lý xã Thanh Nga tổng Đồng Than huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên (nay là thôn Thanh Nga xã Đồng Than huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên) và 2. *Cảo Thịnh lăng bi ký* 果盛陵碑記 (N^o1915) cùng dựng năm Chính Hòa thứ 7 (1686) tại lăng Cảo Thịnh xã Cảo Nhuệ Thượng tổng Thượng Cốc huyện Lô Dương phủ Thọ Xuân (nay là thôn Kim Bảng xã Nam Giang huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa).

13. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư, Tập III*, (bản in nội các quan bản Chính Hòa 18, Hoàng Văn Lâu - Ngô Thế Long dịch và chú thích, Hà Văn Tấn hiệu đính), NXB. Khoa học xã hội, 1998, tr.272, ghi tên bà là Phạm Thị Ngọc Hậu, người làng Quả Nhuệ huyện Lô Dương. Còn văn bia *Hoàng Thái hậu bi...* (tlđd) và bia *Phụng sự bi ký* 奉事碑記 (N^o1208/1209/1210/1211) dựng năm Chính Hòa thứ 7 (1686) ở Thọ Xuân, Thanh Hóa đều ghi tên bà là Phạm Thị Ngọc Oánh. Bia *Phụng sự bi ký* không ghi tên thợ đá san khắc, song có lẽ cũng do nhà sư Nguyễn Công Thiêm khắc tạc.

14. Bia *Phụng sự bi ký* 奉事碑記 (tlđd) cho biết rõ mẹ của Thái hậu Phạm Thị Ngọc Oánh (họ Chu) tên húy là Loan.

15. *Mai Viên Đoàn Triễn (1854-1919)* (2014), Tài liệu của dòng họ Đoàn làng Hữu Thanh Oai - Hà Nội, chi Hiền Khánh, Hà Nội tháng 8 năm 2014 (Lưu hành nội bộ), tr.122 và tr.194.

17. Bùi Văn Vượng (1998), “Nghề khai thác và chế tác đá”, *Tinh hoa nghề nghiệp cha ông*, NXB. Thanh niên, tr. 521-570.

18. Dương Văn Hoàn (2022), “Tổng quan nguồn tư liệu văn bia hậu tỉnh Hưng Yên thế kỷ XVII-XVIII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (171).
19. *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Liêu Xá tổng Liêu Trung xã tục lệ* 興安省安美縣遼舍總遼中社俗例, ký hiệu AF.a3/34, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
20. Lê Quốc Việt (2012), “Hình chế, đồ án hoa văn và chữ viết trên bia Lý - Trần ở Thanh Hóa trong tương quan với văn bia Lý - Trần nước Đại Việt”, in trong *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa, Tập một: Văn bia thời Lý - Trần*, NXB. Thanh Hóa, 572 trang, tr. 501-527.
21. Lê Quý Đôn, *Văn đài loại ngữ*, Trần Văn Giáp biên dịch và khảo thích (2006), NXB. Văn hóa - Thông tin.
22. Lê Tắc, *An Nam chí lược*, (bản dịch, 2009), NXB. Lao Động, Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 556 trang.
23. Lê Văn Tạo (2008), *Một số đặc trưng của nghệ thuật chạm khắc đá truyền thống ở Thanh Hóa*, NXB. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
24. *Liên Phương tháp ký* 聯芳塔記, Cảnh Hưng 18 (1757), N°11786, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
25. Nguyễn Hữu Mùi (2013), *Nghiên cứu văn bia Vĩnh Phúc*, Sở Văn hóa Thể thao và du lịch Vĩnh Phúc.
26. Nguyễn Quang Thắng (2017), “Triện pháp gia thời Lê Sơ”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2017*, NXB. Thế giới.
27. Nguyễn Tá Nhí (chủ trì, 1993), *Văn bia Hà Tây*, Bảo tàng Tổng hợp - Sở Văn hóa Thông tin Thể thao Hà Tây, Hà Tây.
28. Nguyễn Trãi, *Ức Trai di tập dư địa chí*, (Phan Duy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính và chú thích, 1960), NXB. Sử học, Hà Nội.
29. Nguyễn Văn Phong (2022), *Văn bia Bắc Giang: Khảo cứu và tuyển dịch*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
30. Nguyễn Văn Thịnh (chủ trì, 2010), *Văn bia thời Lý*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
31. Phạm Thị Thùy Vinh (chủ trì, 2014), *Văn bia Lê Sơ (tuyển tập)*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
32. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 1, bản dịch Viện Sử học (2008), NXB. Giáo dục.
33. Quách Thị Ngọc An (2017), *Lăng mộ võ quan Thái giám Đàng Ngoài (lăng mộ phong kiến thế kỷ 17 - 18 và lăng Phạm Đôn Nghi)*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 348 trang.
34. Nguyễn Kim Mãng, Nguyễn Văn Hải đồng chủ biên (2016), *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa, Tập ba: Văn bia thời Lê Trung hưng (quyển một)*, NXB. Thanh Hóa.
35. Trương Minh Hằng (2006), *Làng nghề thủ công và mỹ nghệ miền Bắc*, NXB. Mỹ thuật.
36. Đinh Khắc Thuân chủ biên (2009), *Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm*, (tài liệu dịch), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Đinh Khắc Thuân chủ biên (2009), *Địa phương chí tỉnh Hải Dương qua tư liệu Hán Nôm*, (tài liệu dịch), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. *Văn bia đề danh Tiến sĩ Việt Nam* (2006), (Trịnh Khắc Mạnh giới thiệu, biên dịch và chú thích), NXB. Giáo dục.
39. *Tuyển dịch văn bia chùa Huế* (2017), Lê Nguyễn Lưu dịch, số chuyên đề, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 8 và số 9.
40. Tư liệu điền dã cá nhân, tham gia giám tả cùng Thư pháp gia Hoài An Nguyễn Văn Thanh thực hiện viết chữ để khắc một số bia đá (bia chùa Vua, Hà Nội, bia phục chế dựng tại nhà thờ chi Ất họ Trịnh, Mai Lâm).